

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/03/2017)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Ngô Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trần Quang Cần	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/07/2017)
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/06/2017)
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/07/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/02/2018)
Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/02/2018)
	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/02/2018)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/09/2017)
Ông Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/06/2017)
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 31/07/2017)
Ông Phan Anh Quang	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 31/07/2017)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/07/2017)

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
-------------------	---

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 033002/2018/BCKTHN-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập ngày 21 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty.



Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Phạm Thị Thanh Duyên

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3515-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		832.372.056.570	911.145.121.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.161.001.729	81.708.392.335
1. Tiền	111		53.657.298.951	81.708.392.335
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.503.702.778	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.201.324.400	21.029.648.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.3a	3.011.852	23.245.042.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.687.452)	(2.715.394.052)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3b	161.200.000.000	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		519.141.655.793	752.673.092.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	227.118.765.306	342.014.091.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	117.956.610.465	192.737.338.739
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	26.463.964.587
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	296.130.391.420	262.806.361.935
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(122.064.111.398)	(71.348.880.276)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	216.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	71.319.507.180	53.840.857.877
1. Hàng tồn kho	141		71.407.127.318	53.987.099.605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(87.620.138)	(146.241.728)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.548.567.468	1.893.129.930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	934.569.607	1.834.294.921
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.613.713.277	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		284.584	58.835.009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		726.156.556.724	620.728.349.724
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	372.167.609	372.167.609
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(372.167.609)	(372.167.609)
II. Tài sản cố định	220		164.343.152.290	171.389.789.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	145.496.229.906	150.226.183.941
- Nguyên giá	222		276.761.321.442	271.080.616.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.265.091.536)	(120.854.432.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	18.846.922.384	21.163.605.984
- Nguyên giá	228		21.338.560.948	23.304.609.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.491.638.564)	(2.141.003.964)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		490.130.498.158	368.124.319.783
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.8	226.736.626.972	235.972.515.804
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	263.393.871.186	132.151.803.979
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		54.447.651.313	63.928.334.312
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	15.891.751.568	17.555.246.135
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	39.933.544.320	47.978.685.637
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.377.644.575)	(1.605.597.460)
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.235.254.963	17.285.905.704
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	17.235.254.963	17.285.905.704
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.558.528.613.294	1.531.873.471.144

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		621.660.782.199	553.911.243.632
I. Nợ ngắn hạn	310		605.654.979.258	535.713.939.502
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	95.431.005.334	94.634.814.556
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	193.275.156.134	147.723.035.514
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	5.886.559.148	15.361.420.512
4. Phải trả người lao động	314		16.379.157.164	19.208.249.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	46.603.527.520	74.121.874.599
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	47.366.554.593	10.777.465.330
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	192.231.802.638	161.905.181.324
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.357.190.772	5.462.810.878
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.124.025.955	6.519.086.998
II. Nợ dài hạn	330		16.005.802.941	18.197.304.130
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	3.002.079.940	4.749.655.939
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		13.003.723.001	13.447.648.191
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		936.867.831.095	977.962.227.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	936.867.831.095	977.962.227.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.527.289.930	2.527.289.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(90.473.576.286)	(32.266.438.147)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.680.299.459	16.421.895.249
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		112.199.003	64.686.481
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.738.575.547	48.779.633.005
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		45.212.576.928	38.697.933.300
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.525.998.619	10.081.699.705
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.858.458.299	31.010.575.851
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.558.528.613.294	1.531.873.471.144

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	908.832.575.760	774.688.808.558
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	507.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		908.832.575.760	774.181.808.558
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	697.314.553.136	657.444.369.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		211.518.022.624	116.737.438.689
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.466.466.554	12.584.057.449
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.111.590.274	33.368.464.373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.338.480.117	23.310.019.660
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		862.981.410	(1.922.579.750)
9. Chi phí bán hàng	25		2.380.887.731	4.346.488.996
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	115.709.609.329	70.196.624.293
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94.645.383.254	19.487.338.726
12. Thu nhập khác	31	VI.6	12.376.552.269	9.429.620.080
13. Chi phí khác	32	VI.7	9.359.073.850	18.711.967.968
14. Lợi nhuận khác	40		3.017.478.419	(9.282.347.888)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		97.662.861.673	10.204.990.838
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	32.289.716.878	14.278.844.041
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(443.925.189)	(9.554.197.377)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.817.069.984	5.480.344.174
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		63.493.015.119	10.081.699.705
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.324.054.865	(4.601.355.531)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	670	143
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		670	143

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	97.662.861.673	10.204.990.838
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	12.943.385.000	13.897.078.890
Các khoản dự phòng	03	47.773.571.637	(20.672.456.821)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.223.538	8.238.970
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.235.791.902)	(4.477.294.971)
Chi phí lãi vay	06	14.338.480.117	23.310.019.660
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	156.485.730.063	22.270.576.566
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	159.233.747.901	49.394.355.601
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(17.478.649.303)	4.211.412.616
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(103.296.705.247)	(29.685.551.770)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	950.376.055	1.627.363.998
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	20.528.324.400	36.883.877.661
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.316.730.078)	(23.348.137.553)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34.395.895.923)	(20.941.399.606)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(5.260.682.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	165.710.197.868	35.151.815.354
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSĐH khác	21	(22.650.315.980)	(21.037.066.370)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSĐH khác	22	6.166.231.364	87.489.394.370
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(193.700.000.000)	(24.263.964.587)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	41.364.584.970	96.720.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(123.147.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	7.633.342.716	4.798.910.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.301.280.221	9.229.202.271
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(151.884.876.709)	152.813.328.684
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(58.207.138.139)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	601.187.102.503	646.400.761.516
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(572.608.057.188)	(861.466.888.670)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.741.395.403)	(702.725.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.369.488.227)	(215.768.852.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(23.544.167.068)	(27.803.708.662)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	81.708.392.335	109.511.515.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.223.538)	585.039
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	58.161.001.729	81.708.392.335


Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018


Trần Quang Cán
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2005. Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 02 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 904.329.530.000 đồng tương ứng với 90.432.953 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng, tùy thuộc vào các công trình xây lắp do Tổng Công ty ký kết với các chủ đầu tư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam gồm:

Đơn vị

Văn phòng Tổng Công ty

Địa chỉ

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc

1. Khách sạn xanh Đà Nẵng

Địa chỉ

Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng

2. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt
Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

740C Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú
Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 30/QĐ/VNECO-HDQT ngày 31 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị thông qua quyết định giải thể Sân giao dịch Bất động sản VNECO - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3

Địa chỉ

Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An

2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4

Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An

3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8

Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột,
Tỉnh Đắk Lắk

4. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12

Số 155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình

5. Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO

Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên
Huế

6. Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc
Bình, Tỉnh Bình Thuận

7. Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch
VNECO

Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà
Nẵng

8. Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa
Thắng

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc
Bình, tỉnh Bình Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)****Công ty liên kết****Địa chỉ**

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2 | Số 13 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| 2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 | Số 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng |
| 3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10 | Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 08 công ty con. Chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- | | |
|--|---|
| Tên Công ty | : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3 |
| Địa chỉ | : Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| Hoạt động chính | : Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện |
| Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: | 6.985.720.000 đồng |
| Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ | : 52,93% |
| Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : 52,93% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

2. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4
Địa chỉ : Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh
Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 5.192.580.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%
3. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8
Địa chỉ : Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 9.746.980.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%
4. Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12
Địa chỉ : Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 7.887.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%
5. Tên Công ty : Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO
Địa chỉ : Số 2 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
Hoạt động chính : Hoạt động xây lắp; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 58.938.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 98,4%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 98,4%
6. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1
Địa chỉ : Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2017: 2.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
7. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO
Địa chỉ : Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Hoạt động chính : Xây lắp, kinh doanh Bất động sản, nhà hàng, khách sạn...
8. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng
Địa chỉ : Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa thực hiện góp vốn đầy đủ vào Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO và Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hàng tồn kho (tiếp)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất trong 50 năm; Giá trị giấy phép chuyển nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	50
Bản quyền, bằng sáng chế	Hết khấu hao
Phần mềm máy tính	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	2.352.423.594	1.271.048.021
Tiền gửi ngân hàng	51.304.875.357	80.437.344.314
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.503.702.778	-
Cộng	58.161.001.729	81.708.392.335

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO	56.368.465.234	61.850.264.266
Lê Hữu Tín	26.787.968.683	-
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Bắc	13.481.936.113	54.424.074.538
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	7.127.353.548	22.628.990.248
Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội	19.634.113.461	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	5.675.445.321	14.500.380.746
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	31.103.168.140	17.868.128.860
Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội	6.393.473.669	-
Ban quản lý dự án phát triển Điện lực Miền Bắc	-	9.818.778.456
Công ty Truyền Tải Điện 3	9.477.788.523	-
Ban QLDA phát triển điện lực (Tổng Công ty Điện lực miền Bắc)	5.484.839.307	-
Ban quản lý dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong		115.802.660.338
Công ty Truyền Tải Điện 1	-	11.978.721.899
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	647.334.374	1.686.442.412
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	-	146.472.842
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	-	12.000.000
Các khoản phải thu khác	44.936.878.933	31.297.176.888
Cộng	227.118.765.306	342.014.091.493
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 5	372.167.609	372.167.609
Cộng	372.167.609	372.167.609

c. Số dư với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a. Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phần	31/12/2017				01/01/2017			
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	
VE9	279	3.011.852	1.324.400	(1.687.452)	279	3.011.852	2.008.800	(1.003.052)	
LCG	-	-	-	-	207.000	3.536.181.000	821.790.000	(2.714.391.000)	
GEX	-	-	-	-	950.000	19.705.850.000	19.570.000.000	-	
Cộng		3.011.852	1.324.400	(1.687.452)		23.245.042.852	20.393.798.800	(2.715.394.052)	

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	161.200.000.000	161.200.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	161.200.000.000	161.200.000.000	500.000.000	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa (i)	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà (i)	-	50.728.000.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (ii)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	12.115.149.407
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Điện số 5	10.452.505.716	-
Công Ty TNHH MTV Lộc An Phúc Thịnh	2.473.228.020	-
Công ty TNHH Xây lắp điện Tây Nguyên	1.556.020.460	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trung Kiên	1.675.360.149	-
Công ty Cổ phần KTC	-	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hóa Phan	-	8.563.282.660
Các khoản trả trước cho người bán khác	11.306.473.393	18.837.883.945
Cộng	117.956.610.465	192.737.338.739

- (i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.
- (ii) Khoản trả trước tiền cho hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
(i) - Dự án chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	256.068.573.879	205.340.573.879
+ Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà tin Nghĩa	116.000.000.000	116.000.000.000
+ Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	22.819.715.546
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.005.833.333	-
- BQLDA các công trình điện Miền Bắc	-	833.733.017
- BQLDA các công trình điện Miền Nam	-	1.026.418.115
- BQLDA các công trình điện Miền Trung	-	654.915.400
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	2.460.327.531
- BQLDA nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong	-	2.647.394.860
- Phải thu ông Lý Quốc Cường	-	3.100.601.109
- Tạm ứng	23.324.353.058	30.751.665.078
- Ký cược, ký quỹ	394.799.357	8.387.622.423
- Phải thu khác	10.876.504.262	7.603.110.523
Cộng	296.130.391.420	262.806.361.935

- (i) Khoản trả trước cho hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sử dụng mảnh đất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ban A - Công ty Truyền tải Điện 4	170.138.131	-	170.138.131	-
Ban A - Hàm Thuận Đa My	570.974.554	-	570.974.554	-
Công ty TNHH Tư vấn hoạch định nguồn lực DN E.R.P	195.000.000	-	195.000.000	-
Công ty TNHH An Thuận	119.361.786	-	119.361.786	-
Văn phòng Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Đại học Kiến trúc Hà Nội	140.000.000	-	140.000.000	-
Lâm Phúc Lâm và Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	29.000.000.000	66.520.858.333	29.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	-	73.547.715.546	50.728.000.000
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh nhà Tín Nghĩa	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	-	2.460.327.531	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Hoàng Thắng	478.437.775	-	478.437.775	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế	248.018.874	-	248.018.874	-
Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	397.597.000	-	397.597.000	-
Các đối tượng khác	3.115.080.759	-	3.311.397.304	183.547.667
Cộng	332.064.111.398	210.000.000.000	332.260.427.943	260.911.547.667
Dự phòng trích lập	122.064.111.398		71.348.880.276	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.653.377.788	(33.762.087)	4.984.085.028	(33.762.087)
Công cụ, dụng cụ	417.864.882	(1.878.552)	172.831.696	(1.878.552)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.093.911.187	-	38.963.738.320	-
Thành phẩm nhập kho	8.114.284.902	(51.979.499)	9.504.625.603	(110.601.089)
Hàng hoá	127.688.559	-	352.482.564	-
Hàng gửi bán	-	-	9.336.394	-
Cộng	71.407.127.318	(87.620.138)	53.987.099.605	(146.241.728)

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án đầu tư Khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế	226.736.626.972	226.736.626.972	235.972.515.804	235.972.515.804
Cộng	226.736.626.972	226.736.626.972	235.972.515.804	235.972.515.804

Dự án Khu Đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế với tổng diện tích xây dựng là 435,335m2, quy mô xây dựng 998 căn nhà phố liền kề và biệt thự. Theo Quyết định số 26/QĐ/UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016 về việc thực hiện điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật với thời gian thực hiện dự án điều chỉnh từ năm 2007 đến năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017	168.167.499.669	60.026.372.893	35.482.042.718	7.404.700.722	271.080.616.002
Mua trong năm	-	6.533.184.384	51.140.000	69.418.182	6.653.742.566
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.814.364.568	-	-	-	2.814.364.568
Thanh lý, nhượng bán	(937.441.467)	(736.954.257)	(2.113.005.970)	-	(3.787.401.694)
Tại 31/12/2017	170.044.422.770	65.822.603.020	33.420.176.748	7.474.118.904	276.761.321.442

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2017	52.830.920.494	42.337.667.628	19.734.581.607	5.951.262.332	120.854.432.061
Khấu hao trong năm	6.290.970.370	3.503.631.859	2.384.425.951	413.722.220	12.592.750.400
Thanh lý, nhượng bán	(37.858.740)	(616.954.257)	(1.527.277.928)	-	(2.182.090.925)
Tại 31/12/2017	59.084.032.124	45.224.345.230	20.591.729.630	6.364.984.552	131.265.091.536

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2017	115.336.579.175	17.688.705.265	15.747.461.111	1.453.438.390	150.226.183.941
Tại 31/12/2017	110.960.390.646	20.598.257.790	12.828.447.118	1.109.134.352	145.496.229.906

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 38.723.363.213 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 29.672.079.397 đồng).

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị là 38.849.360.043 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 39.770.265.565 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2017	22.560.223.088	50.086.320	694.300.540	23.304.609.948
Mua trong năm	996.052.000	-	-	996.052.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.962.101.000)	-	-	(2.962.101.000)
Tại 31/12/2017	20.594.174.088	50.086.320	694.300.540	21.338.560.948
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2017	1.433.156.104	50.086.320	657.761.540	2.141.003.964
Khấu hao trong năm	346.884.600	-	3.750.000	350.634.600
Tại 31/12/2017	1.780.040.704	50.086.320	661.511.540	2.491.638.564
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	21.127.066.984	-	36.539.000	21.163.605.984
Tại 31/12/2017	18.814.133.384	-	32.789.000	18.846.922.384

Giá trị còn lại cuối kỳ của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.748.085.684 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 17.179.004.984 đồng).

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 508.836.320 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 508.836.320 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

		31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Dự án nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong1	(i)	184.938.638.553	-
- Dự án Siêu thị Đà Nẵng (Green Mart)	(ii)	58.563.708.757	58.356.508.757
- Dự án cải tạo Khách sạn Xanh Đà Nẵng		17.669.709.342	-
- Đầu tư khu du lịch Xanh Lăng Cô		-	18.512.635.297
- Dự án Khu tổ hợp căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại và Khách sạn VNECO Sơn Trà		-	54.169.460.868
- Các dự án khác		2.221.814.534	1.113.199.057
Cộng		263.393.871.186	132.151.803.979

(i) Dự án nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 là dự án xây dựng nhà máy điện gió với tổng mức đầu tư 1.499 tỷ đồng, công suất 32MW, 16 tổ máy, sản lượng điện dự kiến của dự án 97.122 Mwh.

(ii) Dự án không tiếp tục thực hiện và đang xem xét chuyển nhượng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	739.865.952	786.835.246
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	194.703.655	1.047.459.675
Cộng	934.569.607	1.834.294.921
b. Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	15.487.951.280	15.462.758.697
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.747.303.683	1.823.147.007
Cộng	17.235.254.963	17.285.905.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hời Xuân VNECO	(i) 3.082.000	30.820.000.000	(i)		3.082.000	30.820.000.000	(i)	-
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	(ii) 277.904	5.114.023.435	4.585.416.000	(528.607.435)	277.904	5.114.023.435	4.418.673.600	(695.349.835)
Công ty CP Sông Ba	(ii) 262.507	2.381.000.521	2.546.250.000	-	53.627	5.608.476.403	6.853.050.550	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9	(ii) 174.699	1.617.712.740	768.675.600	(849.037.140)	230.180	1.982.484.527	1.348.823.702	(633.660.825)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	(ii) 90	807.624	807.624	-	84.490	758.179.800	481.593.000	(276.586.800)
Công ty CP Thủy điện Sông Chò	-	-	-	-	369.552	3.695.521.472		
Cộng		39.933.544.320	7.901.149.224	(1.377.644.575)		47.978.685.637	13.102.140.852	(1.605.597.460)

(i) Theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hời Xuân Vneco chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết Minh Báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC.

(ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá thị trường chứng khoán tại ngày 29 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Xây dựng Điện Miền Tây Cao Bằng	12.640.722.732	12.640.722.732	-	-
Công ty TNHH Hóa Phan	9.993.961.788	9.993.961.788	-	-
Công ty Cổ phần Đất Xanh miền Trung	1.181.000.000	1.181.000.000	3.482.020.204	3.482.020.204
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Phương Tùng	5.646.161.893	5.646.161.893	2.140.527.143	2.140.527.143
Công ty TNHH Phúc Thịnh	813.446.013	813.446.013	2.678.819.489	2.678.819.489
Công Ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	7.343.815.520	7.343.815.520	-	-
Công ty CP Cơ điện Đại Dũng	2.606.246.656	2.606.246.656	-	-
Công ty TNHH Đồng Vinh Thịnh	749.913.891	749.913.891	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	10.047.566.895	10.047.566.895	12.537.896.138	12.537.896.138
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7	1.140.713.433	1.140.713.433	18.789.931.956	18.789.931.956
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	6.856.460.862	6.856.460.862	909.914.740	909.914.740
Phải trả cho các đối tượng khác	36.410.995.651	36.410.995.651	9.534.299.109	9.534.299.109
Cộng	95.431.005.334	95.431.005.334	94.634.814.556	94.634.814.556

b. Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Khách hàng trả trước dự án Mỹ Thương	73.300.287.944	73.300.287.944	47.812.476.926	47.812.476.926
Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	39.967.818.817	39.967.818.817	17.200.374.371	17.200.374.371
Công ty Cổ phần Mai Linh Hà Tĩnh	12.071.320.019	12.071.320.019	12.524.992.259	12.524.992.259
Công ty TNHH Hùng Quý	4.712.380.033	4.712.380.033	7.586.592.703	7.586.592.703
Công ty TNHH MTV Cơ Khí xây dựng Huy Hoàng	41.428.636.000	41.428.636.000	-	-
Ban quản lý dự án Phát triển Điện lực miền Nam	-	-	7.917.245.451	7.917.245.451
- Tổng Công ty Điện lực miền nam TNHH	-	-	-	-
Ban quản lý lưới điện Hà Nội	21.794.713.321	-	12.869.710.909	12.869.710.909
Phải trả cho các đối tượng khác	193.275.156.134	21.794.713.321	41.811.642.895	41.811.642.895
Cộng	193.275.156.134	193.275.156.134	147.723.035.514	147.723.035.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.388.385.682	46.153.994.877	52.543.469.427	9.777.860.232
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13.917.620	136.493.686	135.997.550	13.421.484
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.338.983.710	32.289.716.878	34.395.895.923	3.445.162.755
Thuế thu nhập cá nhân	245.608.643	750.934.137	763.727.244	258.401.750
Thuế tài nguyên	-	-	16.236.691	16.236.691
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	850.157.932	2.666.683.851	3.666.863.519	1.850.337.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	49.505.561	1.316.391.662	1.283.122.792	-
Cộng	5.886.559.148	83.314.215.091	92.805.313.146	15.361.420.512



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	43.172.578.163	71.345.715.844
Trích trước chi phí mua trụ sở làm việc số 344 Phan Châu Trinh	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí lãi vay	367.828.613	261.838.847
Chi phí phải trả khác	889.684.648	340.883.812
Cộng	46.603.527.520	74.121.874.599

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	755.129.962	847.216.882
- Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thất nghiệp	617.028.733	922.398.336
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	41.875.575.333	917.086.236
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.118.820.565	8.090.763.876
Cộng	47.366.554.593	10.777.465.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	189.464.850.760	189.464.850.760	595.323.239.588	561.589.896.819	155.731.507.991	155.731.507.991
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	132.280.430.075	132.280.430.075	410.998.782.244	376.657.022.019	97.938.669.850	97.938.669.850
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	11.364.694.215	11.364.694.215	54.761.822.019	55.211.892.437	11.814.764.633	11.814.764.633
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	19.448.074.465	19.448.074.465	49.185.797.752	39.669.755.834	9.932.032.547	9.932.032.547
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	14.200.000.000	14.200.000.000	23.200.000.000	20.500.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	5.417.244.741	5.417.244.741	21.495.065.204	26.890.251.669	10.812.431.206	10.812.431.206
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	6.754.407.264	6.754.407.264	23.643.574.396	20.898.181.248	4.009.014.116	4.009.014.116
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	10.024.568.446	15.661.045.388	5.636.476.942	5.636.476.942
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô	-	-	1.474.514.445	1.474.514.445	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Huế	-	-	539.115.082	4.227.233.779	3.688.118.697	3.688.118.697
- Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Vay các đối tượng khác	1.051.191.878	1.051.191.878	2.272.418.915	3.301.580.370	2.080.353.333	2.080.353.333
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.22)	1.715.760.000	1.715.760.000	-	-	4.093.320.000	4.093.320.000
Tổng	192.231.802.638	192.231.802.638	597.595.658.503	564.891.477.189	161.905.181.324	161.905.181.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 06/2017/242753/HĐTD ngày 20 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 5.226.252.858 đồng. Mục đích khoản vay để tạm ứng Hợp đồng xây lắp số 738/2017/HĐXL/VNECO - KTKH ngày 10 tháng 04 năm 2017 thi công trạm biến áp 500KV Đức Hòa. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HĐTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HĐTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.
2. Hợp đồng tín dụng số 07/2017/242753/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 498.426.647 đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán khối lượng xây lắp công trình 110kV Hà Đông - Sơn Tây. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HĐTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HĐTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.
3. Hợp đồng tín dụng số 08/2017/242753/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 571.880.300 đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán khối lượng xây lắp Đường dây 500/220KV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả bằng 2%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được bảo đảm bằng số dư trên Hợp đồng tiền gửi số 102/242753/HĐTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 và hợp đồng tiền gửi số 103/242753/HĐTG/2017 ký ngày 07 tháng 07 năm 2017 thuộc sở hữu của Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam.
4. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09/2017/242753/HĐTD ngày 25 tháng 07 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 500.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam Đồng và ngoại tệ quy đổi. Hạn mức tín dụng là hạn mức cho vay, bảo lãnh và mở L/C cộng gộp, được phân định như sau: Hạn mức vay vốn (bao gồm cả BL thanh toán và mở LC): 200.000.000.000 đồng, Hạn mức bảo lãnh 300.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2018. Lãi suất cho vay và thời gian trả nợ cho từng lần vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng tín dụng này mà Điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng từng lần số 42/2016/VCB-KHDN ngày 19 tháng 04 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 11 thuộc dự án đường dây 500KV Sông Máy - Tân Uyên theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 1864/HDXL-VNECO-PCC1 ngày 16 tháng 12 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
- Hợp đồng tín dụng từng lần số 117/2016/VCB-KHDN ngày 01 tháng 09 năm 2016 với tổng số hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán các chi phí thi công gói thầu 07 - Xây lắp đường dây thuộc dự án đường dây 500KV đầu nối nhà máy Thăng Long theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 119/ENVNPT/NPM-HDXL-KH ngày 20/07/2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
- Hợp đồng tín dụng từng lần số 12/2017/VCB-KHDN ngày 13 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng (13,5 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 06 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay để thanh toán chi phí thu công Gói thầu ADB-HNPC-NRST-W01: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây: Cung cấp và lắp đặt vật lắp đường dây không 100KV, tiêu dự án: Nhánh rẽ vào trạm 200KV Sơn Tây, Dự án: Phát triển lưới điện Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 90HD/HANOI PBMB/ADB-HNPC-NRST-W01 ngày 29 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.
- Hợp đồng tín dụng từng lần số 14/2017/VCB-KHDN ngày 17 tháng 01 năm 2017 với tổng số hạn mức tín dụng là 22.000.000.000 đồng (22 tỷ đồng). Thời hạn cho vay là 09 tháng kể thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công Gói thầu số 11 Xây lắp thuộc Dự án đường dây 200KV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2 theo hợp đồng xây lắp số 21.12.2016/PTCC3 - VNECO ngày 21 tháng 12 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng 04 xe ô tô đã qua sử dụng và 03 lô đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007 và Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14 tháng 04 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 1482/2016-HDTHM/NHCT470-VNECO12 ngày 08 tháng 06 năm 2016 với số tiền vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 11.838.031.137 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 7%/năm.
2. Hợp đồng tín dụng từng lần số 806002620580/2017-HDCVHM/NHCT470-VNECO12 ngày 07 tháng 06 năm 2017 với số tiền vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 3.065.008.033 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 7%/năm.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng tín dụng tổng số tiền vay là 13.400.000.000 đồng. Thời hạn cho các khoản vay là 08 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay 9%/năm.

(v) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 03/2016 -HĐTD/NHCT488-VNECO ngày 29 tháng 01 năm 2016 với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng (65 tỷ đồng). Khoản vay để thanh toán thi công đường dây điện Gợi thầu số 7, Lô 7.3 "Xây lắp đường dây từ vị trí G12-G16" thuộc dự án "Đường dây 500KV TTĐL Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên". Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 lần/tháng. Thời hạn giải ngân trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn cho vay các khoản nợ là 09 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20 tháng 01 năm 2016.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HDTHM/NHCT442-VNECO 3 ngày 20 tháng 01 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 6.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu xây lắp đường dây 110 KV và trạm biến áp Bắc Á tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 5 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
2. Hợp đồng tín dụng số 02/2017-HDTHM/NHCT442-VNECO 3 ngày 23 tháng 01 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 7.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu dự án hoàn thiện sơ đồ các Trạm biến áp 110 KV của Tổng Công ty điện lực miền Bắc giai đoạn 2. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)

3. Hợp đồng tín dụng số 03/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 17 tháng 03 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu dự án lắp máy biến áp T2 trạm biến áp 110 KV Hoàng Hóa và trạm biến áp 110 KV Kỳ Anh chống quá tải mùa khô 2017. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
4. Hợp đồng tín dụng số 04/2017-HĐTD/NHCT442-VNECO 3 ngày 28 tháng 04 năm 2017 với số tiền cho các khoản vay có tổng giá trị không vượt quá 2.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu cải tạo ĐDK 110 KV Hà Đông - Sơn Tây. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
5. Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017-HĐCVHM/NHCT442-VNECO 3 ngày 16 tháng 05 năm 2017. Hạn mức cho vay có tổng giá trị không vượt quá 5.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cột điện, cột, ống bê tông các loại ... Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn cho vay kể từ ngày 16 tháng 05 năm 2017 đến ngày 16 tháng 05 năm 2018. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với đất theo hợp đồng thuê đất đã được ký giữa Công ty với Sở tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An, toàn bộ máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty với giá trị thế chấp là 39.643.075.751 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	4.717.839.940	4.717.839.940	3.591.444.000	7.716.580.000	8.842.975.939	8.842.975.939
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	2.110.595.940	2.110.595.940	1.584.200.000	2.316.580.000	2.842.975.939	2.842.975.939
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	500.000.000	500.000.000	500.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	1.400.000.000	1.400.000.000	800.000.000	1.200.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	-	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	707.244.000	707.244.000	707.244.000	-	-	-
Cộng	4.717.839.940	4.717.839.940	3.591.444.000	7.716.580.000	8.842.975.939	8.842.975.939
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn)	1.715.760.000	1.715.760.000	-	-	4.093.320.000	4.093.320.000
Cộng các khoản vay dài hạn	3.002.079.940	3.002.079.940	-	-	4.749.655.939	4.749.655.939

(i) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 232/VCB-KHDN ngày 24 tháng 07 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 3.761.800.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay để thanh toán chi phí phát sinh của dự án nâng cao năng lực thiết bị thí công. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp cầm cố theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007; Hợp đồng thế chấp số 100/NHNT-ĐN ngày 05 tháng 12 năm 2008; Hợp đồng thế chấp tài sản số 141/2011/VCB-ĐN ngày 15 tháng 12 năm 2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 140/2015/VCB-ĐN ngày 14 tháng 07 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

- (i) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng sau (tiếp theo):
2. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 314/VCB-KHDN ngày 19 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay là 430.000.000 đồng. Thời gian vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư 01 xe bán tải Mitsubishi 5 chỗ theo hợp đồng kinh tế số 36/1310/HĐKT ngày 29 tháng 10 năm 2013. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay và theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường số bộ 172/2013/VCB-ĐN và phụ lục 1 kèm theo ngày 19 tháng 11 năm 2013 và các tài sản thế chấp cầm cố theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 110/NHNT-ĐN ngày 20 tháng 09 năm 2007; Hợp đồng thế chấp tài sản số 141/2011/VCB-ĐN ngày 15 tháng 12 năm 2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 100/NHN -ĐN ngày 05 tháng 12 năm 2008.
3. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 81/2012/VCB-KHDN ngày 06 tháng 04 năm 2012 với số tiền vay là 297.300.000 đồng. Thời hạn vay trong 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích khoản vay để thanh toán tiền mua xe tải cầu tự hành theo Hợp đồng kinh tế số 06-2012/SMC ngày 23 tháng 03 năm 2012. Lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 1 quý/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thành từ khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 113/2012/VCB-ĐN ngày 25 tháng 06 năm 2012.
- (ii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/242753/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 3.885.000.000 đồng. Thời hạn vay trong vòng 03 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để mua 01 xe ô tô Mercedes GL400 và 02 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 phục vụ điều hành quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng sau niêm yết tại Ngân hàng cộng phí ngân hàng cố định là 2,5%/năm, được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số 16.55.0087/2016-HĐTDL.NHCT502-VNECO8 ngày 11 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.000.000.000 đồng. Khoản vay để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Thời hạn vay vốn là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho vay là 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 04112015/HĐTD ngày 28 tháng 09 năm 2012 với tổng số tiền là 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay để đầu tư dự án Khách sạn Xanh Đà Nẵng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất hàng năm được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, được điều chỉnh 01 lần/tháng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi hình thức thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.715.760.000	4.093.320.000
Trong năm thứ hai	1.008.508.000	1.654.910.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.993.571.940	3.094.745.939
Cộng	4.717.839.940	8.842.975.939
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.715.760.000	4.093.320.000
Số phải trả sau 12 tháng	3.002.079.940	4.749.655.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	823.575.050.000	2.529.967.267	4.419.831.617	(32.266.438.147)	17.487.711.874	26.248.296	131.445.578.179	50.022.595.973	997.240.545.059
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	10.081.699.705	(4.601.355.531)	5.480.344.174
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.675.223.526	-	-	-	(2.675.223.526)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	432.022.267	-	(432.022.267)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc	-	-	-	-	-	-	(7.129.635.853)	-	(7.129.635.853)
Trích quỹ khen thưởng Ban	-	-	-	-	-	-	(1.643.735.260)	-	(1.643.735.260)
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	-	38.438.185	(38.438.185)	-	-
Trả cổ tức	80.754.480.000	-	-	-	-	-	(80.754.480.000)	-	-
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	(1.497.838.892)	-	(74.109.788)	(14.410.664.591)	(15.982.613.271)
Giảm khác	-	(2.677.337)	-	-	-	-	-	-	(2.677.337)
Số dư tại ngày 31/12/2016	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(32.266.438.147)	16.421.895.249	64.686.481	48.779.633.005	31.010.575.851	977.962.227.512
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	63.493.015.119	2.324.054.865	65.817.069.984
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	258.404.210	47.512.522	(305.916.732)	-	-
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	(58.207.138.139)	-	-	-	-	(58.207.138.139)
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.261.139.345)	(218.115.541)	(3.479.254.886)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(40.967.016.500)	(4.258.056.876)	(45.225.073.376)
Số dư tại ngày 31/12/2017	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(90.473.576.286)	16.680.299.459	112.199.003	67.738.575.547	28.858.458.299	936.867.831.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****b. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	8.498.920	1.598.920
- Cổ phiếu phổ thông	8.498.920	1.598.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	88.834.033
- Cổ phiếu phổ thông	81.934.033	88.834.033
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/Cổ phần

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh xây lắp, bộ phận kinh doanh bất động sản và bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Hoạt động kinh doanh Bất động sản		Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	746.199.072.037	388.001.012.210		11.196.517.057		1.145.396.601.304
Tài sản không phân bổ						413.132.011.990
Tổng tài sản						<u>1.558.528.613.294</u>
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	119.441.303.977	77.431.696.502		150.515.893.933		347.388.894.412
Nợ phải trả không phân bổ						274.271.887.787
Tổng nợ phải trả						<u>621.660.782.199</u>

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2017:

	Hoạt động kinh doanh Bất động sản		Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	460.920.097.448	663.527.784.086		293.104.732.635		1.417.552.614.169
Tài sản không phân bổ						114.320.856.975
Tổng tài sản						<u>1.531.873.471.144</u>
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	67.924.061.888	282.578.022.475		26.506.443.704		377.008.528.067
Nợ phải trả không phân bổ						176.902.715.565
Tổng nợ phải trả						<u>553.911.243.632</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Hoạt động kinh doanh Bất động sản VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	259.246.777.461	570.581.559.141	79.004.239.158	908.832.575.760
Tổng doanh thu	259.246.777.461	570.581.559.141	79.004.239.158	908.832.575.760
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	108.572.180.604	515.866.836.391	72.875.536.141	697.314.553.136
Kết quả hoạt động kinh doanh				211.518.022.624
Kết quả kinh doanh bộ phận				118.090.497.060
Chi phí không phân bổ				93.427.525.564
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				862.981.410
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết				14.466.466.554
Doanh thu từ các khoản đầu tư				3.017.478.419
Lợi nhuận khác				14.111.590.274
Chi phí tài chính				97.662.861.673
Lợi nhuận trước thuế				32.289.716.878
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(443.925.189)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận trong năm				65.817.069.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. Bộ phận bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Hoạt động kinh doanh Bất động sản VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	196.337.054.746	491.195.962.985	86.648.790.827	774.181.808.558
Tổng doanh thu	<u>196.337.054.746</u>	<u>491.195.962.985</u>	<u>86.648.790.827</u>	<u>774.181.808.558</u>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	174.317.995.182	403.690.348.909	79.436.025.778	657.444.369.869
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận				116.737.438.689
Chi phí không phân bổ				74.543.113.289
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				42.194.325.400
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết				(1.922.579.750)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				12.584.057.449
Lợi nhuận khác				(9.282.347.888)
Chi phí tài chính				33.368.464.373
Lợi nhuận trước thuế				10.204.990.838
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				14.278.844.041
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(9.554.197.377)
Lợi nhuận trong năm				<u>5.480.344.174</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	908.832.575.760	774.688.808.558
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	40.630.294.486	34.214.531.036
- Doanh thu cung cấp xây lắp	570.581.559.141	491.195.962.985
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	259.246.777.461	196.337.054.746
- Doanh thu hợp đồng dịch vụ	37.920.396.426	44.531.511.684
- Doanh thu khác	453.548.246	8.409.748.107
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	507.000.000
- Hàng bán bị trả lại	-	507.000.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	908.832.575.760	774.181.808.558

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	32.144.683.667	25.773.624.624
Giá vốn hoạt động xây lắp	515.866.836.391	403.690.348.909
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	108.572.180.604	174.317.995.182
Giá vốn cung cấp dịch vụ	39.560.459.157	44.871.921.399
Giá vốn khác	1.229.014.907	8.865.860.180
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(58.621.590)	(75.380.425)
Cộng	697.314.553.136	657.444.369.869

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.651.706.391	3.130.650.271
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	1.180.114.682	3.346.104.914
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.407.656.372	6.098.552.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	474.416	8.750.264
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	2.226.064.693	-
Doanh thu tài chính khác	450.000	-
Cộng	14.466.466.554	12.584.057.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	14.338.480.117	23.310.019.660
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.430.000	183.276.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.656.741	-
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán	-	8.389.262.893
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(248.728.075)	1.483.838.568
Chi phí tài chính khác	13.751.491	2.066.395
Cộng	14.111.590.274	33.368.464.373

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	30.980.729.379	31.657.398.349
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.356.918.983	3.039.261.466
Khấu hao tài sản cố định	2.633.629.174	3.416.497.719
Thuế, phí, lệ phí	1.378.562.695	4.319.119.543
Chi phí dự phòng	50.512.267.823	550.958.174
Dịch vụ mua ngoài	8.295.013.184	14.793.772.193
Chi phí bằng tiền khác	19.552.488.091	12.419.616.849
Cộng	115.709.609.329	70.196.624.293

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.770.249.764	617.264.306
Hoàn nhập bảo hành công trình	1.307.317.022	3.321.209.371
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	244.653.000	2.000.000.000
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	-	418.010.294
Thu từ cho thuê mặt bằng	1.738.692.260	1.210.754.542
Chênh lệch phân định giá trị góp vốn vào Công ty TNHH Lăng Cô - Trùng Phương	6.060.188.313	-
Thu nhập khác	1.255.451.910	1.862.381.567
Cộng	12.376.552.269	9.429.620.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Xử lý hàng tồn kho	-	15.829.365.200
Chi phí công trình không quyết toán	1.673.241.274	560.012.834
Phạt do vi phạm hợp đồng	5.491.920.925	-
Phạt hành chính do chậm kê khai nộp thuế hộ người nước ngoài	12.113.848	-
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	82.361.605	326.013.627
Các khoản chi khác	2.099.436.198	1.996.576.307
Cộng	9.359.073.850	18.711.967.968

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tại công ty mẹ	30.544.439.453	6.862.701.236
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tại công ty con	1.745.277.425	7.416.142.805
Cộng	32.289.716.878	14.278.844.041

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	63.493.015.119	10.081.699.705
Các khoản điều chỉnh	4.444.511.058	2.665.687.576
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (*)	4.444.511.058	2.665.687.576
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.048.504.061	12.747.387.281
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	88.076.664	88.834.033
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	670	143
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” trên Báo cáo Kết quả Kinh doanh năm 2016 được điều chỉnh lại do số liệu trên Báo cáo Kiểm toán năm 2016 của Công ty chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi khi tính Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

- (*) Quỹ khen thưởng phúc lợi để tính lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm 2017 được tính theo tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ với tỷ lệ là 7% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng phúc lợi để tính lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm 2016 được tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-ĐHĐCD ngày 24 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	203.463.413.636	165.599.142.601
Chi phí nhân công	94.162.976.167	94.309.905.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.943.385.000	14.184.138.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.644.592.731	402.337.132.654
Chi phí khác bằng tiền	50.320.855.530	42.703.730.418
Cộng	830.535.223.063	719.134.049.627

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2

Công ty liên kết

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7

Công ty liên kết

Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10

Công ty liên kết

Các cá nhân là thành viên Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm 2017 (chi tiết xem tại Trang 2 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a. Mua hàng	72.535.010.215	70.940.122.021
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	11.526.557.078	20.942.255.955
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	6.105.045.465	22.688.128.055
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	54.903.407.672	27.309.738.011
b. Bán hàng	-	1.286.947.941
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	1.172.954.448
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	113.993.493
c. Nhận cổ tức	1.937.400.000	1.808.150.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.577.400.000	1.358.150.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	360.000.000	450.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	647.334.374	1.844.915.254
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	647.334.374	1.686.442.412
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	146.472.842
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	12.000.000
b. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.044.741.190	25.845.027.546
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	10.047.566.895	15.400.813.697
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.140.713.433	909.914.740
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	6.856.460.862	9.534.299.109
c. Phải trả ngắn hạn khác	320.957.342	653.437.342
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	320.957.342	653.437.342

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	3.358.965.000	1.959.544.000
Ông Ngô Văn Cường	708.797.000	501.490.000
Ông Nguyễn Tịnh	523.740.000	477.286.000
Ông Trần Văn Huy	504.677.000	477.286.000
Ông Lê Văn Khôi	510.424.000	49.606.000
Ông Mai Anh Hoàng	251.704.000	-
Ông Phan Anh Quang	509.858.000	453.876.000
Ông Phạm Hữu Minh Huy	111.102.000	-
Ông Trần Quang Cần	238.663.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị	958.684.000	1.137.494.000
Ông Đoàn Đức Hồng	464.351.000	696.404.000
Ông Đặng Trọng Ngôn	21.913.000	96.000.000
Ông Ngô Văn Cường	35.000.000	-
Ông Phan Anh Quang	60.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Tịnh	60.000.000	60.000.000
Ông Trương Phước Nghĩa	33.810.000	60.000.000
Ông Lê Thanh Hồng	140.277.000	60.000.000
Ông Lê Mạnh Hùng	60.000.000	9.090.000
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	33.333.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đậu Thảo	25.000.000	-
Ông Trần Quang Cần	25.000.000	-
Thù lao Ban Kiểm soát	331.562.857	261.094.564
Ông Lê Chí Dũng	274.848.857	189.094.564
Ông Lê Minh Tuấn	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	20.714.000	36.000.000
Cộng	4.649.211.857	3.358.132.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Theo Quyết định số 05QĐ/VNECO - HDQT ngày 05 tháng 02 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Võ Quang
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

TCTY CP XÂY
D?NG H?N VN(
TCTY CP HO?T
H?NG THEO M?H?
NH CTY
M?-CON)

Digitally signed by TCTY CP XÂY D?NG
H?N VN(TCTY CP HO?T H?NG THEO
M?H?NH CTY M?-CON)
DN: cn=TCTY CP XÂY D?NG H?N VN(
TCTY CP HO?T H?NG THEO M?
H?NH CTY M?-CON) c=VN l=1/16/2018
3:57:53 PM o=MST:0400101450
ou=MST:0400101450
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2018-03-30 15:47:07:00